

KHUNG MA TRẬN VÀ BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I

MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6 NĂM HỌC 2024 – 2025

a) Khung ma trận

- **Thời điểm kiểm tra:** Kiểm tra cuối học kì 1 (hết tuần học thứ 16).
- **Thời gian làm bài:** 60 phút.
- **Hình thức kiểm tra:** Kết hợp giữa trắc nghiệm và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận).
- **Cấu trúc:**
 - Mức độ đề: 40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.
 - Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm, gồm 12 câu hỏi ở mức độ nhận biết, 4 câu mức độ thông hiểu.
 - Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
1. Mở đầu về KHTN											
2. Các phép đo		1	1 (0,5)	1					1	2	1
3. Lực trong đời sống		4	1 (1)	2	1 (1)				2	6	3.5

Chủ đề	MỨC ĐỘ								Tổng số câu		Điểm số
	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao				
	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	Tự luận	Trắc nghiệm	
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8</i>	<i>9</i>	<i>10</i>	<i>11</i>	<i>12</i>
4. Tế bào – đơn vị cơ bản của sự sống	1 (1đ)	1 (0,25đ)		1 (0,25đ)					1	2	1,5đ
5. Từ tế bào đến cơ thể		1 (0,25đ)							1	1	1,25đ
6. Đa dạng thế giới sống		5 (1,25đ)	0,5 câu (0,5đ)		0,5 câu (1đ)		1 (1đ)		1	5	2,25đ
Số câu	1	12	2,5	4	1,5	0	1	0	6	16	
Điểm số	1	3	2	1	2	0	1	0	6	4	10
Tổng số	4,0		3,0		2,0		1,0				10,0

b. Bản đặc tả đề kiểm tra cuối học kì 1 (KHTN 6)

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
1. Mở đầu						
- Giới thiệu về Khoa học tự nhiên. Các lĩnh vực chủ yếu của Khoa học tự nhiên	Nhận biết	- Nêu được khái niệm Khoa học tự nhiên.				
		- Nêu được các quy định an toàn khi học trong phòng thực hành.				
		- Trình bày được cách sử dụng một số dụng cụ đo thông thường khi học tập môn Khoa học tự nhiên, các dụng cụ: đo chiều dài, đo thể tích, kính lúp, kính hiển vi,...).				
- Giới thiệu một số dụng cụ đo và quy tắc an toàn trong phòng thực hành	Thông hiểu	- Phân biệt được các lĩnh vực Khoa học tự nhiên dựa vào đối tượng nghiên cứu.				
		- Trình bày được vai trò của Khoa học tự nhiên trong cuộc sống.				
		- Dựa vào các đặc điểm đặc trưng, phân biệt được vật sống và vật không sống. - Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
	Vận dụng	- Biết cách sử dụng kính lúp và kính hiển vi quang học.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		– Phân biệt được các kí hiệu cảnh báo trong phòng thực hành.				
		– Đọc và phân biệt được các hình ảnh quy định an toàn phòng thực hành.				
2. Các phép đo						
- Đo chiều dài, khối lượng và thời gian - Thang nhiệt độ Celsius, đo nhiệt độ	Nhận biết	- Nêu được cách đo chiều dài, khối lượng, thời gian.				
		- Nêu được đơn vị đo chiều dài, khối lượng, thời gian.		1		C8
		- Nêu được dụng cụ thường dùng để đo chiều dài, khối lượng, thời gian. - Tính được thể tích, khối lượng				
		– Phát biểu được: Nhiệt độ là số đo độ “nóng”, “lạnh” của vật.				
	Thông hiểu	- Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai một số hiện tượng (chiều dài, khối lượng, thời gian, nhiệt độ)				
		– Nêu được cách xác định nhiệt độ trong thang nhiệt độ Celsius.				
		– Nêu được sự nở vì nhiệt của chất lỏng được dùng làm cơ sở để làm nhiệt kế để đo nhiệt độ.		1		C7

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		<p>– Hiểu được tầm quan trọng của việc ước lượng nhiệt độ trong đời sống.</p>	1		C17	
		- Ước lượng được khối lượng, chiều dài, thời gian, nhiệt độ trong một số trường hợp đơn giản.				
	Vận dụng	<p>- Dùng thước (cân, đồng hồ) để chỉ ra một số thao tác sai khi đo và nêu được cách khắc phục một số thao tác sai đó.</p> <p>- Xác định được GHD và ĐCNN của dụng cụ đo chiều dài, khối lượng hoặc thời gian</p>				
		– Thực hiện đúng thao tác để đo được chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) bằng thước (cân đồng hồ, đồng hồ, nhiệt kế) <i>(không yêu cầu tìm sai số)</i> .				
	Vận dụng cao	Lấy được ví dụ chứng tỏ giác quan của chúng ta có thể cảm nhận sai về chiều dài (khối lượng, thời gian, nhiệt độ) khi quan sát một số hiện tượng trong thực tế ngoài ví dụ trong sách giáo khoa.				
3. Lực						
– Lực và tác	Nhận biết	- Nhận biết được các loại lực,		1		C6

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
dụng của lực		<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết đơn vị lực. - Nhận biết được lực là đại lượng véctơ: có phương, chiều, độ lớn - Kể tên được ba loại lực ma sát. - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ. - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn. - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt. - lấy ví dụ về lực tiếp xúc 		1 1 1		C3 C4 C5
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát. - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ. - Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn. 				
	Vận dụng	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế. - Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. 				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
- Khối lượng và trọng lượng	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nêu được khái niệm về khối lượng. - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn. - Nêu được khái niệm trọng lượng. -Nêu đơn vị khối lượng, trọng lượng 		1		C2
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường. - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực. 		1		C1
	Vận dụng	Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại	1		C18	
– Biến dạng của lò xo	Nhận biết	<ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện. - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém. - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi. 				
	Thông hiểu	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng. - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. 				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
	Vận dụng	<p>-Giải bài tập đơn giản về độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo.</p> <p>- Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật</p>	1		C19	
6. Tế bào – đơn vị cơ sở của sự sống						
<ul style="list-style-type: none"> – Khái niệm tế bào – Hình dạng và kích thước tế bào – Cấu tạo và chức năng tế bào – Sự lớn lên và sinh sản của tế bào 	Nhận biết	- Nêu được khái niệm tế bào.				
		- Nêu được chức năng của tế bào.				
		- Nêu được hình dạng và kích thước của một số loại tế bào.		C9		
		- Nhận biết được tế bào là đơn vị cấu trúc của sự sống.				
		- Nhận biết được lục lạp là bào quan thực hiện chức năng quang hợp ở cây xanh.				
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật.				
		- Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
– Tế bào là đơn vị cơ sở của sự sống	Thông hiểu	– Trình bày được cấu tạo tế bào và chức năng ba thành phần chính: màng tế bào, chất tế bào, nhân tế bào.				
		– Phân biệt được tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.	C20			
		– Vì sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của sự sống.		C10		
	Vận dụng	– Thông qua quan sát hình ảnh phân biệt được tế bào động vật, tế bào thực vật, tế bào nhân thực, tế bào nhân sơ.				
		- Thực hành quan sát tế bào lớn bằng mắt thường và tế bào nhỏ dưới kính lúp và kính hiển vi quang học.				
7. Từ tế bào đến cơ thể						
– Từ tế bào đến mô – Từ mô đến cơ quan – Từ cơ quan đến hệ cơ	Biết	- Phân biệt được cơ thể đa bào và cơ thể đơn bào		C11		
	Thông	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. - Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
quan – Từ hệ cơ quan đến cơ thể	hiểu	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể.				
	Vận dụng bậc thấp	- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô. Từ đó, nêu được khái niệm mô.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên hệ cơ quan. Từ đó, nêu được khái niệm hệ cơ quan.				
		- Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên cơ thể. Từ đó, nêu được khái niệm cơ thể.				
	Vận dụng bậc cao	Thông qua hình ảnh, nêu được quan hệ từ tế bào hình thành nên mô, cơ quan, hệ cơ quan và cơ thể (từ tế bào đến mô, từ mô đến cơ quan, từ cơ quan đến hệ cơ quan, từ hệ cơ quan đến cơ thể). Lấy được các ví dụ minh họa trong thực tế.				

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
8. Đa dạng thế giới sống - Virus và vi khuẩn						
<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống phân loại SV - Khóa lưỡng phân. - Vi khuẩn. - Virus. - Nguyên sinh vật. - Nấm 	Nhận biết	- Biết được các cấp độ phân loại sinh vật từ cao đến thấp.		C12		
		- Biết được nguyên tắc xây dựng khóa lưỡng phân.		C13		
		- Biết được vai trò của vi khuẩn.		C14		
		- Biết được đặc điểm của 1 số nguyên sinh vật.		C16		
	Thông hiểu	- Nêu được sự cần thiết của việc phân loại thế giới sống.				
		- Dựa vào sơ đồ, phân biệt được các nhóm phân loại từ nhỏ tới lớn theo trật tự: loài, chi, họ, bộ, lớp, ngành, giới.				
		- Lấy được ví dụ chứng minh thế giới sống đa dạng về số lượng loài và đa dạng về môi trường sống.				
		- Hiểu được vi khuẩn là loài có cấu tạo đơn giản nhất trong thế giới sống		C15		

Nội dung	Mức độ	Yêu cầu cần đạt	Số ý TL/số câu hỏi TN		Câu hỏi	
			TL (Số ý)	TN (Số câu)	TL (Số ý)	TN (Số câu)
		- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.				
		- Trình bày được một số bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.	C21			
	Vận dụng	- Trình bày được một số cách phòng và chống bệnh do virus và vi khuẩn gây ra.	C21			
		- Dựa vào sơ đồ, nhận biết được năm giới sinh vật. Lấy được ví dụ minh họa cho mỗi giới.				
	Vận dụng cao	- Vận dụng được hiểu biết về virus và vi khuẩn để giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn.	C22			

UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT HỌ VÀ TÊN:..... Lớp: 6/.....	KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I Năm học 2024-2025 MÔN: KHTN 6 Thời gian: 60 phút. Đề A	<u>ĐIỂM:</u>
--	---	---------------------

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm): Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Trọng lượng của vật là lực hút của Trái Đất tác dụng lên mọi vật.
- B. Trọng lượng của một vật có đơn vị là kg.
- C. Trọng lượng của vật là độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.
- D. Trọng lượng của vật tỉ lệ với thể tích của vật.

Câu 2. Khối lượng là:

- A. số đo lượng chất của một vật.
- B. số đo lượng chất của mọi vật.
- C. số đo trọng lượng của một vật.
- D. số đo lực của một vật

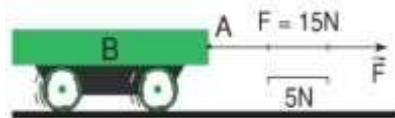
Câu 3. Đơn vị nào sau đây là đơn vị lực?

- A. kilôgam (kg)
- B. mét (m)
- C. mét khối (m³)
- D. Niu ton (N)

Câu 4. Lực được biểu diễn bằng kí hiệu nào?

- A. mũi tên
- B. đường thẳng
- C. đoạn thẳng
- D. tia Ox

Câu 5. Phát biểu nào sau đây là đúng với đặc điểm của lực tác dụng vào vật theo hình biểu diễn?



- A. Lực có phương nằm ngang, chiều từ phải sang trái, độ lớn 15N
- B. Lực có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 15N
- C. Lực có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, độ lớn 15N
- D. Lực có phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên trên, độ lớn 15N

Câu 6. Khi người thợ bắt đầu kéo thùng hàng từ dưới lên trên, người thợ đó đã tác dụng vào thùng hàng một:

- A. lực đẩy
- B. lực nén
- C. lực kéo
- D. lực ép

Câu 7. Nguyên tắc hoạt động của nhiệt kế là dựa trên hiện tượng

- A. nở vì nhiệt của chất khí.
- B. nở vì nhiệt của chất rắn
- C. nở vì nhiệt của các chất.
- D. nở vì nhiệt của chất lỏng

Câu 8. Đơn vị cơ bản đo thời gian trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là:

- A. Giờ
- B. Giây
- C. Phút
- D. Ngày.

Câu 9. Loại tế bào nào sau đây có thể quan sát bằng mắt thường?

- A. Tế bào trứng cá
- B. Tế bào vảy hành
- C. Tế bào thần kinh.
- D. Tế bào vi khuẩn

Câu 10. Vì sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của sự sống?

- A. Nó có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản.
- B. Nó có đầy đủ hết các loại bào quan cần thiết.
- C. Nó có nhiều hình dạng khác nhau để thích nghi với các chức năng khác nhau.
- D. Nó có nhiều kích thước khác nhau để đảm nhiệm các vai trò khác nhau.

Câu 11. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào khác nhau chủ yếu ở điểm nào?

- A. Màu sắc
- B. Kích thước
- C. Số lượng tế bào tạo thành
- D. Hình dạng

Câu 12. Các bậc phân loại sinh vật từ thấp đến cao theo trình tự nào sau đây?

- A. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới
- B. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới

C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới

Câu 13. Khi tiến hành xây dựng khóa lưỡng phân để phân loại một nhóm sinh vật cần tuân thủ theo nguyên tắc nào?

A. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có cơ quan di chuyển khác nhau.

B. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có môi trường sống khác nhau.

C. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có kiểu dinh dưỡng khác nhau.

D. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có những đặc điểm đối lập nhau.

Câu 14. Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của vi khuẩn?

A. Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

B. Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.

C. Mọi vi khuẩn đều có lợi cho tự nhiên và đời sống con người.

D. Vi khuẩn giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng.

Câu 15. Vì sao nói vi khuẩn là sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn giản nhất trong thế giới sống?

A. Vì vi khuẩn có kích thước nhỏ nhất.

B. Vì vi khuẩn có khối lượng nhỏ nhất.

C. Vì vi khuẩn chưa có nhân hoàn chỉnh.

D. Vì cấu tạo vi khuẩn chỉ gồm 1 tế bào nhân sơ.

Câu 16. Loài nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp?

A. Trùng biến hình.

B. Trùng roi xanh.

C. Trùng giày.

D. Trùng sốt rét.

II. TỰ LUẬN (6 điểm):

Câu 17. (0,5 điểm): Em hãy nêu một tình huống cho thấy sự cần thiết của việc ước lượng nhiệt độ trong đời sống.

Câu 18. (1,0 điểm): Một thùng hàng có khối lượng là 50kg. Tính trọng lượng của thùng hàng đó?

Câu 19. (1,0 điểm): Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới treo quả nặng 200 g thì độ biến dạng của lò xo là 1 cm. Để độ biến dạng của lò xo là 3 cm thì cần treo vật nặng có khối lượng là bao nhiêu?

Câu 20. (1đ) Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực có điểm nào giống và khác nhau?

Câu 21. (1,5đ) Em hãy nêu nguyên nhân, biểu hiện và cách phòng bệnh sốt rét và bệnh kiết lị ở người?

Câu 22. (1đ) Chúng ta có nên sử dụng thức ăn bị ôi thiu không? Vì sao? Em hãy nêu các biện pháp bảo quản thức ăn tránh bị vi khuẩn làm hỏng.

Bài làm:

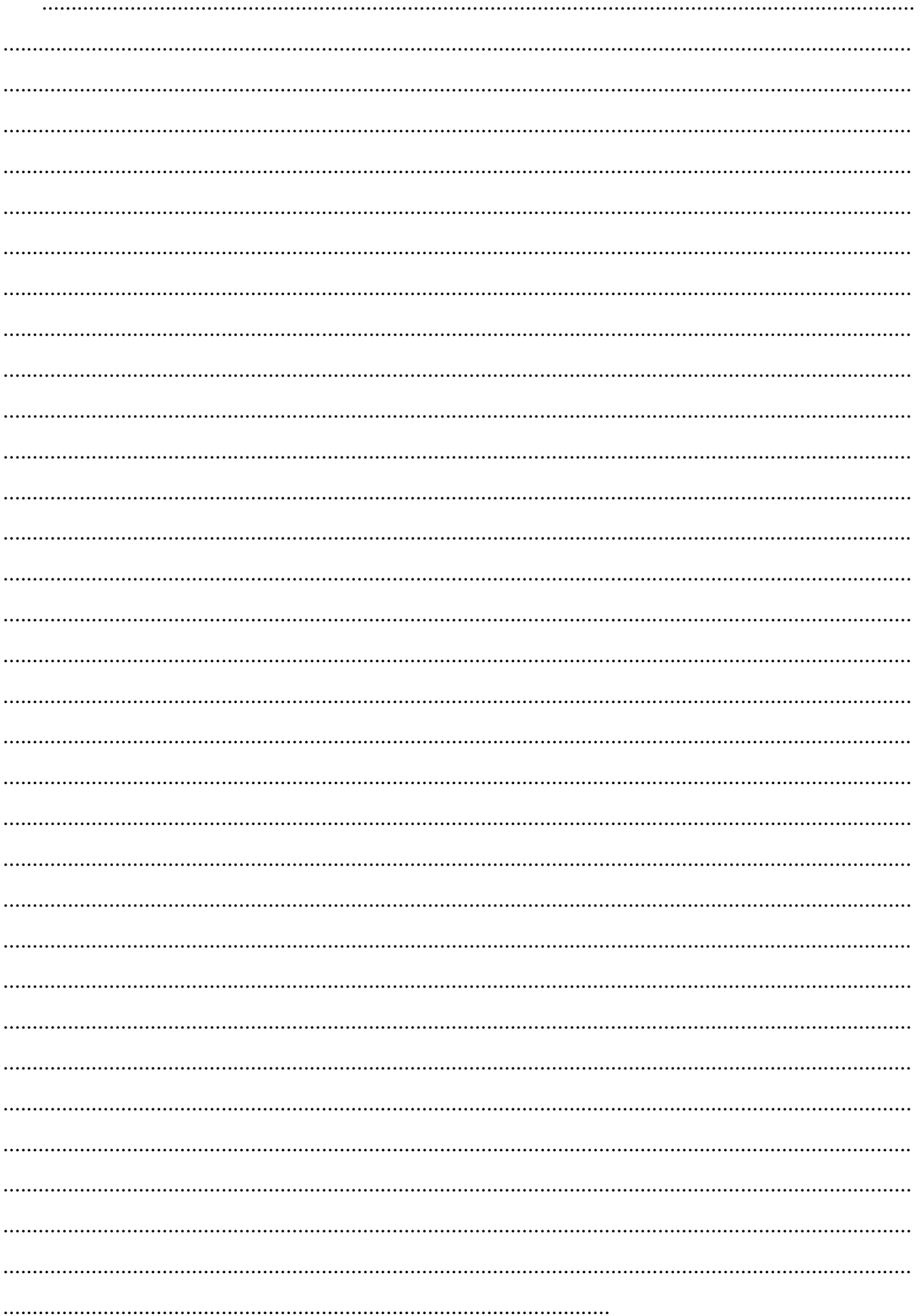
I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng rồi điền vào ô tương ứng cho các câu sau:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trả lời																

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Nội dung	Lý	Sinh
Điểm		



UBND HUYỆN THẮNG BÌNH TRƯỜNG THCS LÝ THƯỜNG KIỆT HỌ VÀ TÊN:..... Lớp: 6/.....	KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I Năm học 2024-2025 MÔN: KHTN 6 Thời gian: 60 phút. Đề B	ĐIỂM:
--	---	--------------

I. TRẮC NGHIỆM (4 điểm): Chọn phương án trả lời đúng cho các câu sau:

Câu 1. Nguyên tắc hoạt động của nhiệt kế là dựa trên hiện tượng

- A. nở vì nhiệt của chất khí.
- B. nở vì nhiệt của chất rắn
- C. nở vì nhiệt của các chất.
- D. nở vì nhiệt của chất lỏng

Câu 2. Khối lượng là:

- A. số đo lượng chất của mọi vật.
- B. số đo lượng chất của một vật.
- C. số đo trọng lượng của một vật.
- D. số đo lực của một vật

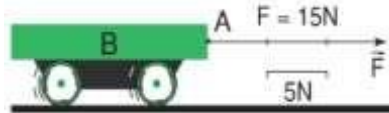
Câu 3. Đơn vị nào sau đây là đơn vị lực?

- A. kilôgam (kg)
- B. mét (m)
- C. Niu ton (N)
- D. mét khối (m³)

Câu 4. Lực được biểu diễn bằng kí hiệu nào?

- A. đoạn thẳng
- B. đường thẳng
- C. mũi tên
- D. tia Ox

Câu 5. Phát biểu nào sau đây là đúng với đặc điểm của lực tác dụng vào vật theo hình biểu diễn?



- A. Lực có phương nằm ngang, chiều từ phải sang trái, độ lớn 15N
- B. Lực có phương nằm ngang, chiều từ trái sang phải, độ lớn 15N
- C. Lực có phương thẳng đứng, chiều từ trên xuống dưới, độ lớn 15N
- D. Lực có phương thẳng đứng, chiều từ dưới lên trên, độ lớn 15N

Câu 6. Khi người thợ bắt đầu kéo thùng hàng từ dưới lên trên, người thợ đó đã tác dụng vào thùng hàng một:

- A. lực kéo
- B. lực nén
- C. lực đẩy
- D. lực ép

Câu 7. Phát biểu nào sau đây là đúng?

- A. Trọng lượng của vật là lực hút của Trái Đất tác dụng lên mọi vật.
- B. Trọng lượng của một vật có đơn vị là kg.
- C. Trọng lượng của vật là độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.
- D. Trọng lượng của vật tỉ lệ với thể tích của vật.

Câu 8. Đơn vị cơ bản đo thời gian trong hệ đo lường hợp pháp của nước ta là:

- A. Giờ
- B. Ngày
- C. Phút
- D. Giây.

Câu 9. Vì sao tế bào được coi là đơn vị cơ bản của sự sống?

- A. Nó có đầy đủ hết các loại bào quan cần thiết.
- B. Nó có nhiều hình dạng khác nhau để thích nghi với các chức năng khác nhau.
- C. Nó có thể thực hiện đầy đủ các quá trình sống cơ bản.
- D. Nó có nhiều kích thước khác nhau để đảm nhiệm các vai trò khác nhau.

Câu 10. Cơ thể đơn bào và cơ thể đa bào khác nhau chủ yếu ở điểm nào?

- A. Màu sắc
- B. Kích thước
- C. Số lượng tế bào tạo thành
- D. Hình dạng

Câu 11. Loại tế bào nào sau đây có thể quan sát bằng mắt thường?

- A. Tế bào trứng cá
- B. Tế bào vảy hành
- C. Tế bào thần kinh.
- D. Tế bào vi khuẩn

Câu 12. Các bậc phân loại sinh vật từ **thấp đến cao** theo trình tự nào sau đây?

- A. Loài → Chi (giống) → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới
- B. Chi (giống) → Loài → Họ → Bộ → Lớp → Ngành → Giới

C. Giới → Ngành → Lớp → Bộ → Họ → Chi (giống) → Loài

D. Loài → Chi (giống) → Bộ → Họ → Lớp → Ngành → Giới

Câu 13. Vì sao nói vi khuẩn là sinh vật có cấu tạo cơ thể đơn giản nhất trong thế giới sống?

A. Vì vi khuẩn có kích thước nhỏ nhất.

B. Vì vi khuẩn có khối lượng nhỏ nhất.

C. Vì vi khuẩn chưa có nhân hoàn chỉnh.

D. Vì cấu tạo vi khuẩn chỉ gồm 1 tế bào nhân sơ.

Câu 14. Khi tiến hành xây dựng khóa lưỡng phân để phân loại một nhóm sinh vật cần tuân thủ theo nguyên tắc nào?

A. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có những đặc điểm đối lập nhau.

B. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có cơ quan di chuyển khác nhau.

C. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có môi trường sống khác nhau.

D. Từ một tập hợp sinh vật ban đầu tách thành hai nhóm có kiểu dinh dưỡng khác nhau.

Câu 15. Loài nguyên sinh vật nào có khả năng quang hợp?

A. Trùng biến hình.

B. Trùng giày.

C. Trùng sốt rét.

D. Trùng roi xanh.

Câu 16. Phát biểu nào dưới đây **không** đúng khi nói về vai trò của vi khuẩn?

A. Nhiều vi khuẩn có ích được sử dụng trong nông nghiệp và công nghiệp chế biến.

B. Mọi vi khuẩn đều có lợi cho tự nhiên và đời sống con người.

C. Vi khuẩn được sử dụng trong sản xuất vaccine và thuốc kháng sinh.

D. Vi khuẩn giúp phân hủy các chất hữu cơ thành các chất vô cơ để cây sử dụng.

II. TỰ LUẬN (6 điểm):

Câu 17. (0,5 điểm): Em hãy nêu một tình huống cho thấy sự cần thiết của việc ước lượng nhiệt độ trong đời sống.

Câu 18. (1,0 điểm): Một thùng hàng có khối lượng là 40kg. Tính trọng lượng của thùng hàng đó?

Câu 19. (1,0 điểm): Treo thẳng đứng một lò xo, đầu dưới treo quả nặng 200 g thì độ biến dạng của lò xo là 1 cm. Để độ biến dạng của lò xo là 3 cm thì cần treo vật nặng có khối lượng là bao nhiêu?

Câu 20. (1đ) Tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực có điểm nào giống và khác nhau?

Câu 21. (1,5đ) Em hãy nêu nguyên nhân, biểu hiện và cách phòng bệnh sốt rét và bệnh kiết lị ở người?

Câu 22. (1đ) Chúng ta có nên sử dụng thức ăn bị ôi thiu không? Vì sao? Em hãy nêu các biện pháp bảo quản thức ăn tránh bị vi khuẩn làm hỏng.

Bài làm:

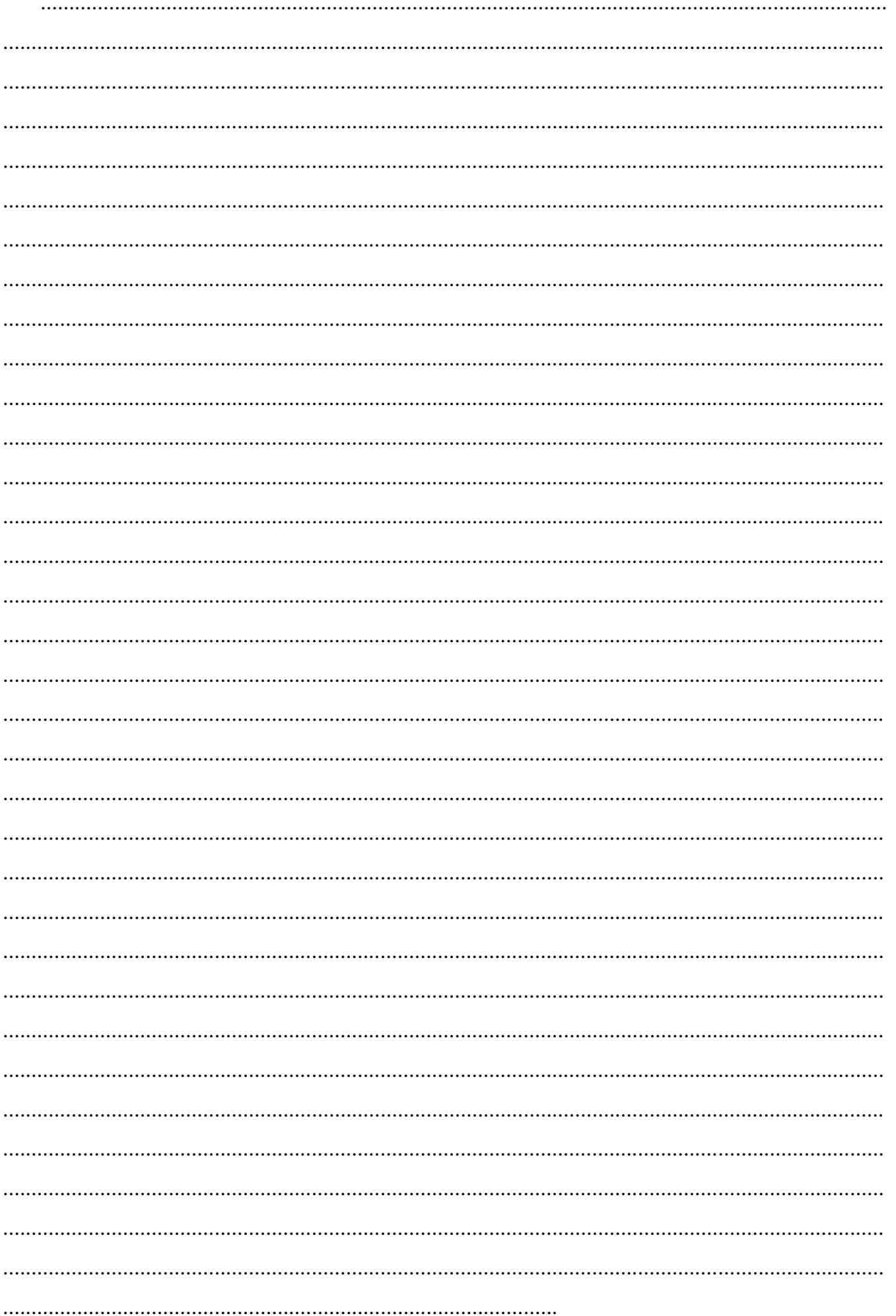
I. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm)

Chọn phương án trả lời đúng rồi điền vào ô tương ứng cho các câu sau:

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Trả lời																

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Nội dung	Lý	Sinh
Điểm		



KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I NĂM HỌC 2024-2025

MÔN: KHOA HỌC TỰ NHIÊN 6

ĐÁP ÁN, BIỂU ĐIỂM VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

A. TRẮC NGHIỆM: (4,0 điểm): Mỗi câu đúng được 0,25 điểm.

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
Đề A	C	A	D	A	B	C	D	B	A	A	C	B	D	C	D	B
Đề B	D	B	C	C	B	A	C	D	C	C	A	A	D	A	D	B

B. TỰ LUẬN: (6,0 điểm)

Câu	Đáp án	Biểu điểm		
17	Nêu đúng một tình huống	0,5 điểm		
18	Đề A: Áp dụng được biểu thức: $P = 10.m$ $\Rightarrow P = 10.50 = 500 \text{ N}$	0,5 điểm 0,5 điểm		
	Đề B: Áp dụng được biểu thức: $P = 10.m$ $\Rightarrow P = 10.40 = 400 \text{ N}$	0,5 điểm 0,5 điểm		
19	Lò xo dãn ra 1cm khi treo quả nặng 200g.	0,5 điểm		
	Đề lò xo dãn ra 3cm thì phải treo quả nặng có khối lượng: $m = 200.3 = 600\text{g}$	0,5 điểm		
20	- Điểm giống nhau giữa tế bào nhân sơ và tế bào nhân thực là đều có màng tế bào, tế bào chất.	0,5 điểm		
	- Điểm khác nhau là: tế bào nhân sơ chưa có nhân hoàn chỉnh (gọi là vùng nhân) còn tế bào nhân thực đã có nhân hoàn chỉnh.	0,5 điểm		
21		Bệnh sốt rét	Bệnh kiết lị	0,5 điểm 0,5 điểm 0,5 điểm
	Nguyên nhân gây bệnh	Do trùng sốt rét gây ra	Amip lị Entamoeba (trùng kiết lị) gây ra	
	Biểu hiện bệnh	sốt, rét, người mệt mỏi, chóng mặt, đau đầu	đau bụng, đi ngoài, phân có thể lẫn máu và chất nhày, cơ thể mệt mỏi vì mất nước và nôn ói, ...	
	Cách phòng tránh bệnh	diệt muỗi, mắc màn khi ngủ, ...	vệ sinh cá nhân và môi trường sạch sẽ, ăn uống đảm bảo vệ sinh...	
22	- Chúng ta không nên sử dụng thức ăn bị ôi thiu. - Vì dễ bị đau bụng, ngộ độc thực phẩm.	0,5 điểm		

	<p>- Các biện pháp bảo quản thức ăn tránh bị vi khuẩn làm hỏng là:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Bảo quản lạnh (các loại rau, củ, quả...)+ Phơi hoặc sấy khô (các loại quả, hạt...)+ Hun khói (các loại thịt...)	0,5 điểm
--	--	----------